

Bản tin chứng khoán

Trong số này

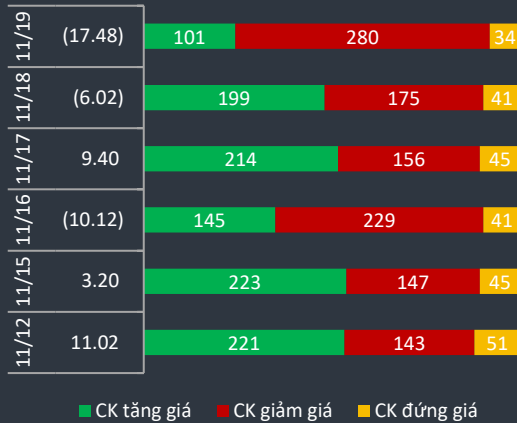
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

CTG	104.21
VRE	74.59
PVD	59.20
GEX	57.39
VHC	35.91
PNJ	20.19
TPB	(38.93)
DPM	(42.02)
DHC	(48.56)
HDB	(51.56)
E1VFN30	(55.09)
VNM	(107.01)
FUESSVFL	(179.74)
HAH	(284.53)

Thị trường mở cửa với trạng thái tiếp tục xanh nhẹ tuy nhiên đã bắt đầu xuất hiện trạng thái xanh vỏ đồ lòng với số mã giảm nhiều hơn mã xanh cả trăm CP nhưng chỉ số Vnindex vẫn xanh nhẹ. Sau mấy tháng đi ngang nhóm cổ phiếu ngân hàng hôm nay nổi sóng góp phần giữ nhịp thị trường nhờ thông tin bên ngoài khả năng theo thỏa thuận EVFTA thì 2/5 ngân hàng thương mại tư nhân sẽ được nới room lên 49%. Nhóm cổ phiếu ngân hàng hầu hết đều bật tăng rất mạnh trong đó HDB tăng trần dư mua hàng triệu đơn vị. BVB, SGB tăng hơn 9%. Nhóm bank vừa và nhỏ PGB, BAB, VAB cũng tăng trên 5%. OCB đóng cửa cuối ngày xanh điểm gần 3% lên 27.

Trong bối cảnh cổ phiếu giảm co thì nhóm ngành thép đang có dấu hiệu đảo chiều khi hôm nay dòng tiền tham gia mua mạnh HPG và HSG khi giá hai cổ phiếu này nhún sâu dưới 2%. HPG đã giảm 17% so với đỉnh 58 còn HSG và NKG cũng giảm gần 25%.

Thị trường có cú rung lắc cực mạnh vào cuối phiên chiều mà khởi đầu là làn sóng bán ra từ nhóm cổ phiếu bất động sản và dầu khí. Những cổ phiếu đặc biệt nóng trong những phiên vừa qua như LDG, KBC, SZC, TDH, DPR, NLG, NDN, D2D đều giảm sâu với lực bán rất lớn. Xem diễn biến giao dịch trong những tháng gần đây có thể thấy dòng tiền xoay vòng rất nhanh và với tỷ lệ margin cực cao đã đổ vào các nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng và hàng loạt nhóm cổ phiếu penny. Khi dòng tiền đã lên đến đỉnh điểm sẽ có lúc phải bùng nổ và hạ nhiệt. Những nhà đầu tư chậm chân có thể thiệt hại lớn khi sóng đảo chiều bắt đầu.

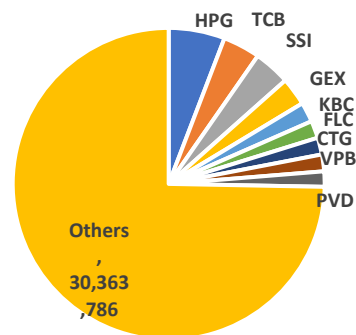
Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng điều chỉnh mạnh trong đó nhóm dẫn đầu HCM, VCI, VND giảm hơn 3%. Cổ phiếu chứng khoán dao động rất nhạy cảm theo biến động lên xuống của thị trường vì vậy không ngạc nhiên khi thị trường điều chỉnh thì nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng sẽ nằm trong những nhóm ngành giảm mạnh nhất. Tuy nhiên ngành chứng khoán vẫn đang trong chu kỳ tăng trưởng mạnh vì vậy các nhịp rung lắc vẫn là cơ hội tốt nhất để nắm giữ cổ phiếu ngành này.

Vnindex 1,452.35

▼ -17.48 (-1.19%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HDB	30.2	1,950	6.90
VIB	39.0	1,200	3.17
ACB	33.5	950	2.92
VPB	36.2	800	2.26
CTG	32.8	650	2.02
TCB	52.3	800	1.55
TPB	43.5	550	1.28
PDR	90.7	1,100	1.23
VJC	127.8	1,300	1.03
STB	27.9	250	0.90
VIC	94.8	300	0.32
VCB	97.1	100	0.10
MWG	139.0	-	-
MBB	28.3	-	-
BID	44.4	(100)	(0.22)
MSN	147.4	(600)	(0.41)
NVL	102.2	(500)	(0.49)
SAB	167.1	(1,100)	(0.65)
SSI	48.5	(550)	(1.12)
DHG	99.8	(1,200)	(1.19)
FPT	95.3	(1,200)	(1.24)
VRE	30.5	(600)	(1.93)
VNM	86.1	(1,900)	(2.16)
PLX	59.4	(1,600)	(2.62)
VHM	80.5	(2,300)	(2.78)
PNJ	102.3	(3,900)	(3.67)
BCM	57.0	(2,200)	(3.72)
HPG	48.0	(1,950)	(3.90)
REE	67.1	(2,900)	(4.14)
POW	14.0	(700)	(4.78)
BVH	61.1	(3,100)	(4.83)
GVR	37.7	(2,150)	(5.40)
GAS	106.0	(7,800)	(6.85)
HVN	23.5	(1,750)	(6.94)



Chỉ số Vnindex đóng cửa mất hơn 17 điểm và lui về 1452. Thanh khoản trong ngày cả 3 sàn vượt 56 ngàn tỷ là lập kỷ lục mới trên sàn chứng khoán. Dòng tiền vẫn rất mạnh mẽ và nhiều cổ phiếu chỉ nhún nhẹ trong phiên sau đó bật tăng mạnh trở lại như GEX, TNI, DGW, ITA, TCM ... Thị trường có thể còn tiếp tục tạo thêm 1 đỉnh cao mới tuy nhiên phiên cuối tuần vừa qua là một tín hiệu cảnh báo với nhà đầu tư khi dòng tiền đã đổ quá nóng vào các nhóm cổ phiếu đầu cơ. Thị trường đã không còn quá hấp dẫn khi PE trung bình thị trường đã chạm mức 22. Việc giữ tỷ lệ margin ở mức an toàn là điều cần thiết hiện tại và tranh thủ chốt lãi một phần những danh mục đạt mục tiêu là điều nên làm. Nhà đầu tư nên giữ trạng thái cổ phiếu ở tỷ lệ cân bằng với tiền mặt để có thể hạn chế rủi ro và cũng là có cơ hội tích lũy cổ phiếu giá rẻ khi thị trường điều chỉnh.

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, GEX, ASM, ITA.

Cổ phiếu chờ tín hiệu mua: HPG, HSG, NKG.

Cổ phiếu nắm giữ trung và dài hạn

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	81.7	4.7	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	27.7%
PET	32.0	0.9	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	14.3%
LCG	18.6	(2.6)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	32.9%
DPR	82.8	2.7	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	23.6%
GVR	37.7	(8.9)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	28.2%
HCM	46.6	5.3	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	37.1%
VCI	74.0	2.8	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	51.0%
SSI	48.5	8.7	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	47.0%
MBB	28.3	(0.9)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.4%
OCB	26.6	(1.1)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	15.7%
HPG	48.0	(12.1)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	6.7%
DGW	136.0	21.8	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	172.0%
REE	73.0	(8.1)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(1.1)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TGG	6.87
HDB	6.90
EVG	6.91
TLD	6.91
IDI	6.92
CSM	6.92
PXI	6.93
MCG	6.95
SJF	6.98
TCR	6.98
TNI	6.99
TIE	7.69
CLG	11.54
ATG	13.33
HVG	14.71
DIC	15.00

Top tăng giá HNX

CTA	7.14
HKB	7.69
VC9	7.69
SRA	7.83
VKC	8.22
VE1	8.54
ACM	8.82
CET	9.28
CEO	9.38
HNM	9.45
TA9	9.49
CMS	9.50
NDX	9.60
BLF	9.76
SEB	9.79
SPP	11.11
KSK	11.11
ALV	13.46
LTC	13.64
PVX	13.64
MEC	14.29
S74	14.63
SGO	15.00
DPS	15.00

KDC - CTCP Tập đoàn Kido – Đã thông qua việc sử dụng cổ phiếu quỹ để chia thưởng cho cổ đông theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu vào 01/12/2021.

YBM - CTCP Khoáng sản Yên Bái - Ngày 29/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

PAN - CTCP Tập đoàn PAN - Dự kiến trình cổ đông kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 5:2.

Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá 15.000 đồng/cổ phiếu.

Đồng thời, chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá không thấp hơn 90% bình quân giá đóng cửa 10 phiên liền trước ngày HĐQT quyết định phương án chào bán chi tiết, tối đa 41,1 triệu cổ phiếu.

TCT - CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh - Ngày 24/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 25/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2021.

TCD - CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải - Dự kiến phát hành hơn 87,2 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền mua cổ phiếu, cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 1 cổ phiếu mới phát hành thêm. Giá phát hành 10.000 đồng/CP.

DID - CTCP DIC Đồng Tiến - Dự kiến phát hành 6,95 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 2:1, tương ứng cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới. Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

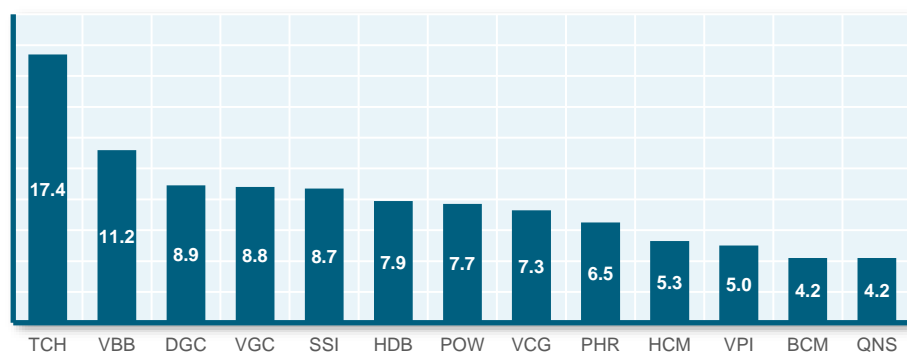
HBC - Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ hơn 5,74 triệu cổ phiếu tại CTCP Chứng khoán Sen Vàng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 42,53%, với giá không thấp hơn 6.000 đồng/cổ phiếu.

HVT - CTCP Hóa chất Việt Trì - Ngày 17/11, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 06/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2021.

DGC - Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - HĐQT dự kiến trình cổ đông phương án điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn tại thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa – đây là dự án có quy mô lớn nhất từ trước đến nay của tập đoàn.

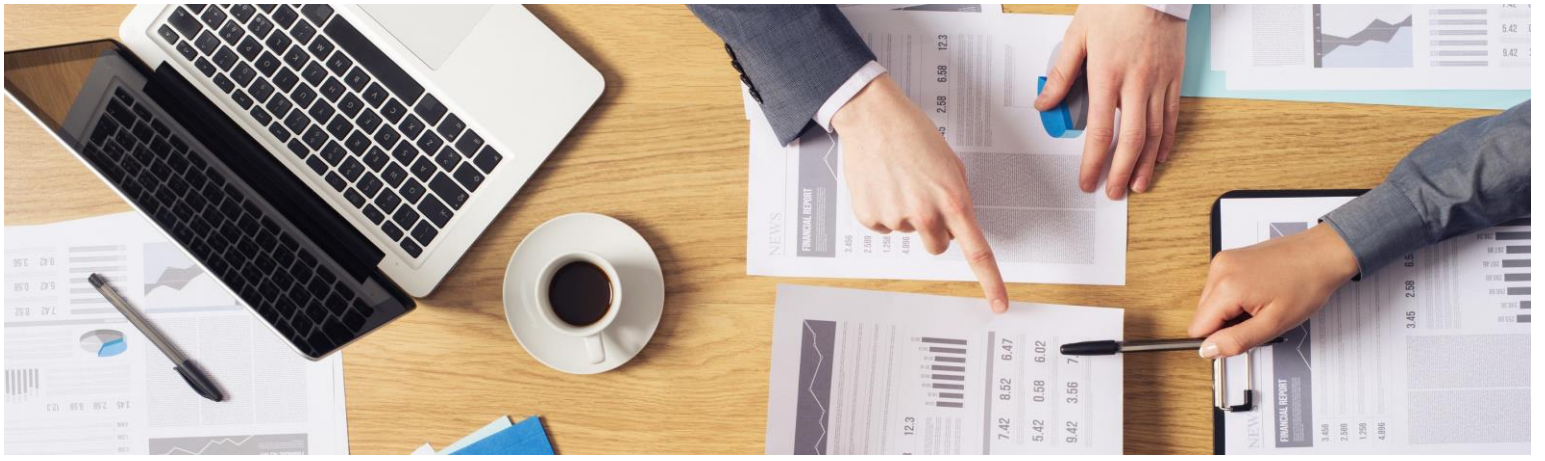


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



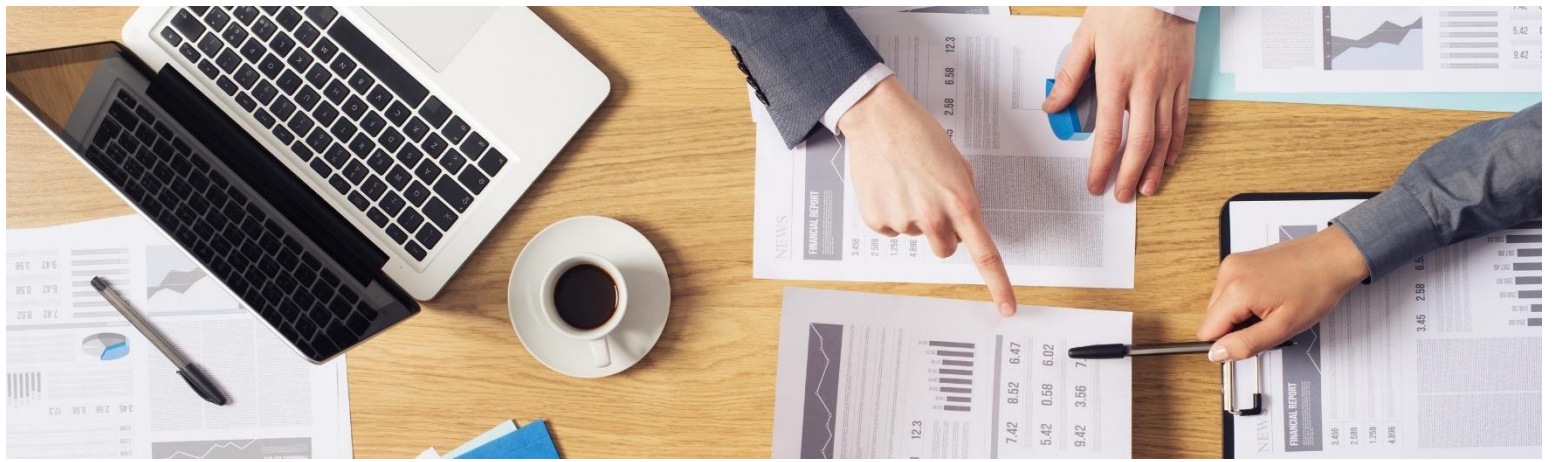
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	36.2	19,584,000	7.2	1.5	-	4,973,358	160,926	19.14	5,056	24,447
VIB	HOSE	39.0	5,956,800	6.9	2.9	-	27,400	60,573	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.1	413,000	17.6	3.4	27,900	89,800	360,132	23.60	5,532	28,293
VBB	HNX	18.8	478,335	22.7	1.6	-	-	8,980	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	18.1	2,887,833	15.1	1.3	12,000	-	8,054	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.5	3,155,700	9.5	2.3	15,200	906,900	50,968	29.84	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.3	29,907,300	11.3	2.2	532,900	532,900	183,621	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.9	22,040,300	14.5	1.7	881,800	1,226,600	52,598	16.78	1,922	16,846
SSB	HOSE	36.5	1,794,100	21.2	3.0	-	-	49,001	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.3	13,161,100	10.7	1.7	13,300	72,700	44,781	3.62	2,183	14,014
SGB	HNX	19.7	1,146,487		1.6	-	-	6,068	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	37.7	1,266,209	51.0	2.8	-	15,000	11,310	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.6	7,826,700	7.0	1.5	122,900	27,600	36,439	21.81	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.4	437,454	143.4	2.7	-	-	11,960	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	23.3	989,881	6.9	1.4	-	100	10,635	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	24.6	21,606,600	7.5	1.4	-	5,200	37,577	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.3	18,272,600	7.3	1.4	-	17,000	106,927	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.7	14,696,200	8.8	1.6	29,500	32,500	27,322	3.91	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.1	452,410	11.8	1.7	43,000	-	8,712	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.2	20,848,700	7.8	1.7	623,100	2,348,600	60,165	17.59	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.8	1,303,600	31.8	2.0	14,500	91,900	34,178	29.68	874	14,061
CTG	HOSE	32.8	21,682,100	7.5	1.3	4,279,800	1,111,600	157,629	24.89	4,394	25,028
BVB	HOSE	23.8	14,156,517	20.6	1.9	5,300	2,600	8,737	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.4	4,055,100	17.7	2.1	16,600	36,300	178,578	16.63	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.4	258,392	24.6	1.9	-	8,000	17,623	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.5	9,794,000	7.2	2.2	-	-	90,380	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.5	3,821,388	7.7	1.3	-	-	12,283	30.00	2,801	16,671
			241,992,806	19.43	1.93	6,617,800	11,526,058	1,796,153		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HTV	HOSE	26/11/2021	29/11/2021	23/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CLC	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SPC	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DWS	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TLP	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 37 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DAR	UPCoM	24/11/2021	25/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	29/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 619 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3.616	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6.926	Thưởng cổ phiếu
19	TCT	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCT	HNX	23/11/2021	24/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
23	ITC	HOSE	22/11/2021	23/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	T12	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	EMG	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SVI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	ICG	HNX	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDN	UPCoM	19/11/2021	22/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Đệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931